TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13 – PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03A/2025/HNGĐ -ST
Ngày: 17-7-2025
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Lan Anh
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Huyền và Bà Nguyễn Thị Thu Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Trường Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 - Phú Thọ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Nguyên Đức Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2025, tại Chi nhánh trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 - Phú Thọ, mở phiên tòa xét xử công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 45/2025/TLST-HNGĐ ngày 10/3/2025 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/6/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2025/QĐST-HNGĐ ngày 30/6/2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Châu S, sinh năm 2000. Trú tại: Thôn L, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

Nay là: Thôn T, xã C, tỉnh Phú Thọ. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn:** Anh Bùi Thanh S1, sinh năm 1990. Trú tại: Thôn L, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

Nay là: Thôn T, xã C, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình cung cấp chứng cứ, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Châu S trình bày*:

Chị và anh Bùi Thanh S1 kết hôn với nhau ngày 13/7/2018 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình (nay là xã C, tỉnh

Phú Thọ). Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xẩy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, lối sống.Chị đã nhiều lần khuyên bảo anh S1 thay đổi cách sống để mong gia đình sống hòa thuận nhưng anh S1 không thay đổi. Mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã thực sự trầm trọng , vợ chồng sống ly thân đã hai năm không quan tâm đến nhau, chị không còn tình cảm với anh S1, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Thanh S1.

Về con chung: Vợ chồng chị có một con chung tên Bùi Tuấn S2, sinh ngày 18/9/2019. Được Tòa giải quyết cho ly hôn chị xin được nuôi con. Không yêu cầu anh S1 cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, công nợ chung: không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị Châu S có đơn đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn - anh Bùi Thanh S1 vắng mặt nên không có ý kiến trình bày của anh S1: Tòa án tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Bùi Thanh S1 nhưng không tống đạt được vì anh S1 đi làm đến đêm mới về. Do không ghi được lời khai và không tiến hành hòa giải được nên Tòa án đã tiến hành lập biên bản không tống đạt được các văn bàn của Tòa và niêm yết công khai các văn bản này theo quy định của pháp luật tại nơi anh Bùi Thanh S1 đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình (nay là thôn T, xã C, tỉnh Phú Thọ) nhưng anh S1 vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Theo đơn đề nghị của nguyên đơn - chị Nguyễn Thị Châu S. Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình (nay là Tòa án nhân dân khu vực 13 – Phú Thọ) xác minh được như sau:

Tại biên bản xác minh ngày 26/3/2025 ông Nguyễn Văn V - trưởng thôn Lai T cho biết anh Bùi Thanh S1 là công dân sinh sống và làm việc tại thôn L, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình (nay là thôn L, xã C, tỉnh Phú Thọ). Mâu thuẫn giữa chị S và anh S1 như thế nào ông không được biết, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh S1 làm việc tại khu công nghiệp L tháng về nhà đôi ba lần nên ông không giao các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh S1 được.

Tại biên bản xác minh ngày 23/10/2024 ông Nguyễn Hòa B cán bộ công an xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình (nay là xã C, tỉnh Phú Thọ) cho biết: Qua kiểm tra hồ sơ lưu trữ tại công an xã T thể hiện anh Bùi Thanh S1, sinh ngày 15/4/1990, CCCD số 017090010078 có hộ khẩu thường trú tại: Thôn L, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình chưa tiến hành thủ tục tạm trú, tạm vắng đi nơi khác.

* Phát biểu tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên cho rằng Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình (nay là Tòa án nhân dân khu vực 13 - Phú Thọ) thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, có căn cứ, đúng pháp luật. Việc tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu để thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật đúng theo quy định của pháp luật. Các tài liệu,

chứng cứ đã được Hội đồng xét xử thẩm tra, xem xét công khai tại phiên tòa. Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa đã tống đạt cho các đương sự theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do tại các buổi làm việc theo thông báo của Tòa án, như vậy bị đơn anh Bùi Thanh S1 đã không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX: Áp dụng điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Châu S:

+ Xử cho chị Nguyễn Thị Châu S được ly hôn anh Bùi Thanh S1.

+ Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Châu S trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung là cháu Bùi Tuấn S2, sinh ngày 18/9/2019 cho đến khi cháu S2 trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Bùi Thanh S1 chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị S và có quyền thăm con chung sau ly hôn, không ai được cản trở quyền này. Chị S và anh S1 có quyền thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn theo quy định của pháp luật

+ Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Chău S3 phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Châu S xin ly hôn anh Bùi Thanh S1 có HKTT: Thôn L, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình (nay là thôn L, xã C, tỉnh Phú Thọ), Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình (nay là Tòa án nhân dân khu vực 13- Phú Thọ) thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng trực tiếp cho anh Bùi Thanh S1 nhưng anh S1 vắng mặt. Tòa đã tiến hành lập biên bản về việc giao các văn bản tố tụng và niêm yết công khai nơi cư trú của anh S1 tại: Thôn L, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình (nay là thôn L, xã C, tỉnh Phú Thọ), theo quy định tại điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự. Phiên tòa ngày 17/7/2025 anh Bùi Thanh S1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do, chị Nguyễn Thị Châu S có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Bùi Thanh S1, chị Nguyễn Thị Châu S.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Châu S và anh Bùi Thanh S1 kết hôn với nhau 13/7/2018 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Chị S trình bày sau khi kết hôn vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, lối sống, tính cách không hợp. Anh chị sống ly thân đã hai năm không quan tâm đến nhau

Chị không còn tình cảm với anh S1, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Thanh S1. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án anh Bùi Thanh S1 biết được chị Nguyễn Thị Châu S làm đơn xin ly hôn anh, Tòa án đã tống đạt và niêm yết các văn bản của Tòa cho anh S1 theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh S1 không đến Tòa án làm việc.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị S, anh S1 đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, chị S và anh S1 đã sống ly thân đã hai năm không quan tâm đến nhau. Như vậy mâu thuẫn giữa chị S, anh S1 đã thực sự trầm trọng, không thể khắc phục được, đời sống chung của anh chị không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt. Mặt khác anh S1 biết chị S nộp đơn xin ly hôn nhưng vẫn cố tình vắng mặt, không mong muốn hàn gắn để vợ chồng đoàn tụ. Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Châu S, giải quyết cho chị Nguyễn Thị Châu S được ly hôn với anh Bùi Thanh S1.

[2.2] Về nuôi con chung: Vợ chồng chị S, anh S1 có một con chung tên Bùi Tuấn S2, sinh ngày 18/9/2019. Chị S trình bày được Tòa án giải quyết cho ly hôn chị xin được nuôi con Bùi Tuấn S2, chưa yêu cầu anh S1 cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Anh S1 không đến Tòa án làm việc nên không có lời trình bày.

Hội đồng xét xử xét thấy cháu Bùi Tuấn S2, sinh ngày 18/9/2019 hiện nay chưa được sáu tuổi, anh S1 không trình bày về nguyện vọng nuôi con, giữa chị S anh S1 không có thỏa thuận về việc nuôi con, chị S có nguyện vọng nuôi con, cháu S2 còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81,82,83,84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, giao cho chị Nguyễn Thị Châu S trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung là cháu tên Bùi Tuấn S2, sinh ngày 18/9/2019.cho đến khi cháu S2 trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Bùi Thanh S1 chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị S và có quyền thăm con chung sau ly hôn, không ai được cản trở

quyền này. Chị S và anh S1 có quyền thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn theo quy định của pháp luật

[2.3] Về tài sản chung: Không có và chị S không yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về công nợ chung: Không có và chị S không yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét, giải quyết

[2.5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Châu S phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016//UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 177, Điều 227, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Châu S

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Châu S được ly hôn anh Bùi Thanh S1

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Châu S trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung là cháu Bùi Tuấn S2, sinh ngày 18/9/2019 cho đến khi cháu S2 trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Bùi Thanh S1 chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị S và có quyền thăm con chung sau ly hôn, không ai được cản trở quyền này. Chị S và anh S1 có quyền thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi sau ly hôn theo quy định của pháp luật

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Châu S4 phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005186 ngày 10 tháng 3 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản sao bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Thọ
- VKSND tỉnh Phú Thọ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

- Sở tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 13 - Phú Thọ;
- Thi hành án DS tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã Cao Dương;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.